

Số: 77/2022/QĐST-VHNGĐ

K, ngày 28 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân thụ lý số 112/2022/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

- Bà **Huỳnh Kim N**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 68/29E T2, phường K1, quận K, TP T.

- Ông **Đoàn Ngọc T1**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 141, ấp T2, xã Đ, huyện C, tỉnh T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành.

[2] Về con chung: Bà N và ông T1 xác định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T1 xác định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Huỳnh Kim N** và ông **Đoàn Ngọc T1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông T1 xác định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T1 xác định không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình: Bà N và ông T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Bà N tự nguyện nộp thay cho ông T1 150.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng lệ phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001640 ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố T thành lệ phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nơi nhận:

- VKSND Q.K;
- Đương sự;
- UBND phường K1, quận K, TP T;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân.

Đỗ Thị Diễm Trang